

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2024/DS-PT  
Ngày: 30 - 8-2024  
V/v tranh chấp  
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Phương.

Các Thẩm phán:

+ Ông Đinh Huy Lương.

+ Ông Nguyễn Đức Hiệp.

**- Thư ký phiên tòa:** bà Trần Thị Huyền – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình:** ông Phạm Văn Thịnh  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30/8/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2024/TLPT-DS ngày 05/7/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2024/QĐ-ST ngày 06/8/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Đỗ Văn T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: xóm A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt)

2. Bị đơn: bà Trần Thị T1, sinh năm 1979.

Địa chỉ: xóm A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. (Có mặt)

3. Người kháng cáo: bà Trần Thị T1 (bị đơn).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 06/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Đỗ Văn T trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nhau, ngày 20/10/2021 âm lịch (tức ngày 24/11/2021 dương lịch), ông có đưa cho bà Trần Thị T1 vay số tiền 450.000.000

đồng, lãi suất 1,5%/tháng, hai bên thoả thuận khi nào ông cần thì ông báo trước bà T1 20 ngày để bà T1 trả toàn bộ số tiền gốc. Đến tháng 12 năm 2021 ông có việc cần dùng đến số tiền trên thì ông đã báo cho bà T1, nhưng từ đó đến nay đã nhiều lần ông đòi thì bà T1 mới trả được cho ông số tiền lãi một tháng là 6.750.000 đồng. Tại đơn khởi kiện, ông đề nghị Tòa án buộc bà T1 phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 450.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 12 năm 2021 đến nay cho ông là 162.000.000 đồng; tổng cộng là 612.000.000 đồng. Tại phiên toà sơ thẩm, ông T đề nghị bà T1 trả lãi từ tháng 12 năm 2021 đến khi xét xử sơ thẩm.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Trần Thị T1 trình bày:*

Bà thừa nhận có vay ông T số tiền gốc 450.000.000 đồng từ ngày 20/10/2021 âm lịch với mức lãi suất hai bên thoả thuận bằng miệng là 1.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày (tương ứng 3%/tháng). Khi nào ông T cần thì báo trước để bà chuẩn bị trả tiền gốc. Bà đã trả lãi cho ông T đến tháng 02 năm 2022 là 04 tháng, mỗi tháng 13.500.000 đồng; tổng cộng bà đã trả lãi cho ông T được 54.000.000 đồng. Nay vì điều kiện hoàn cảnh gia đình bà làm ăn khó khăn, bà đề nghị ông T cho bà trả từ từ tiền gốc, khi nào có thì trả; còn tiền lãi bà xin toàn bộ lãi không trả cho ông T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình đã quyết định: áp dụng các điều 280, 357, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà T1 phải trả cho ông T số tiền 639.000.000 đồng. Về án phí: ông T được trả lại số tiền 14.240.000 đồng tạm ứng án phí. Bà T1 phải nộp 29.560.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo cho các bên đương sự, quyền, nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 03/5/2024 bị đơn là bà Trần Thị T1 có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm với nội dung: bà không phải trả lãi cho ông T. Bà không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Lý do kháng cáo: ông T buộc bà phải trả cả gốc và lãi thì bà không đủ khả năng trả lãi, bà không đồng ý trả lãi. Tòa án buộc bà phải chịu án phí trong khi ông T là người khởi kiện mà không phải chịu án phí.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Nguyên đơn có quan điểm: đề nghị Tòa án buộc bà T1 phải trả cho ông số tiền gốc 450.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 25/12/2021 đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1,5%/tháng. Ông không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn có quan điểm vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 465, 466, 468, 469 Bộ

luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 24/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn, cụ thể: không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc bà T1 phải trả cho ông T số tiền lãi là: 84.420.000 đồng. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T, buộc bà T1 phải trả cho ông T số tiền 554.580.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.221.000 đồng; bà T1 phải chịu 26.183.000 đồng án phí. Về án phí phúc thẩm: bà T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng.

Đơn kháng cáo của bà Trần Thị T1 làm trong thời hạn pháp luật quy định và đúng hình thức, nội dung nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo của bà Trần Thị T1.

[2.1] Đối với số tiền gốc.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, các bên đương sự đều thừa nhận về những vấn đề sau: bị đơn đã vay tiền của nguyên đơn với số tiền gốc là 450.000.000 đồng vào ngày 20/10/2021 âm lịch, tức ngày 24/11/2021 dương lịch. Kể từ ngày vay đến nay, bị đơn chưa trả được số tiền gốc nêu trên cho nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các tình tiết nêu trên là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn 450.000.000 đồng tiền gốc là đúng pháp luật.

[2.2] Đối với số tiền lãi.

*Về xác định mức lãi suất:*

Tại giấy biên nhận đề ngày 20/10/2021 âm lịch, hai bên không thể hiện có thoả thuận về lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận hai bên thoả thuận bằng miệng về việc bị đơn vay tiền có lãi suất. Tuy nhiên, về mức lãi suất hai bên đương sự trình bày có sự mâu thuẫn nhau. Nguyên đơn trình bày mức lãi suất cho vay là 1,5%/tháng. Bị đơn trình bày mức lãi suất bà T1 vay là 3%/tháng. Các bên đương sự không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh về số tiền lãi cụ thể mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử xác định bị đơn vay số tiền gốc 450.000.000 đồng vào ngày 20/10/2021 âm lịch (tức ngày 24/11/2021 dương lịch) thuộc dạng hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi.

Hội đồng xét xử xác định mức lãi suất hai bên trình bày có sự mâu thuẫn, thuộc trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 5 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án

nhân dân tối cao, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tại thời điểm trả nợ. Do đó, mức lãi suất áp dụng đối với số tiền bà T1 vay là 0,83%/tháng (10% : 12 tháng), Hội đồng xét xử không chấp nhận mức lãi suất 1,5%/tháng mà nguyên đơn yêu cầu.

*Về thời gian trả lãi:* nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi từ ngày 25/12/2021 đến khi xét xử sơ thẩm (ngày 24/4/2024).

Căn cứ vào quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, Hội đồng xét xử chấp nhận thời gian nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 25/12/2021 đến ngày 24/4/2024 là 28 tháng. Do đó, số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là:

$$450.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 28 \text{ tháng} = 104.580.000 \text{ đồng.}$$

Tổng cộng số tiền gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là:

$$450.000.000 \text{ đồng} + 104.580.000 \text{ đồng} = 554.580.000 \text{ đồng.}$$

[2.3] Đối với số tiền án phí.

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, số tiền án phí dân sự sơ thẩm được xác định như sau:

Số tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là:

$$450.000.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/tháng \times 28 \text{ tháng} = 189.000.000 \text{ đồng.}$$

Số tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn không được Toà án chấp nhận là:

$$189.000.000 \text{ đồng} - 104.580.000 \text{ đồng} = 84.420.000 \text{ đồng.}$$

Nguyên đơn phải chịu án phí tương ứng với phần không được Toà án chấp nhận là:  $84.420.000 \text{ đồng} \times 5\% = 4.221.000 \text{ đồng}$ .

Bị đơn phải chịu án phí tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Toà án chấp nhận đối với số tiền 554.580.000 đồng là:

$$20.000.000 \text{ đồng} + (4\% \times 554.580.000 \text{ đồng}) = 26.183.200 \text{ đồng, làm tròn } 26.183.000 \text{ đồng.}$$

[3] Các lý do kháng cáo mà bị đơn trình bày tại phiên tòa về việc bị đơn không đồng ý trả lãi cho nguyên đơn là không có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Toà án cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 1,5%/tháng và thời gian tính lãi từ ngày 20/10/2021 đến khi xét xử sơ thẩm là chưa chính xác, cần chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của bị đơn về việc buộc ông T phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được Toà án chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm về phần lãi suất và phần án phí.

[4] Những phần của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm, ngoài phạm vi xét xử phúc thẩm nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: do Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên bà T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 117, 280, 357, 463, 465, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 24/4/2024 của Toà án nhân dân huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, cụ thể:

1.1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T về việc buộc bà Trần Thị T1 phải trả cho ông Đỗ Văn T đối với số tiền lãi là: 84.420.000 đồng (T2 mươi bốn triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

1.2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T. Buộc bà Trần Thị T1 phải trả cho ông Đỗ Văn T số tiền 554.580.000 đồng (Năm trăm năm mươi bốn triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng), gồm: 450.000.000 đồng (Bốn trăm năm mươi triệu đồng) tiền gốc và 104.580.000 đồng (Một trăm linh bốn triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng) tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 24/4/2024) cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Về án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Đỗ Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.221.000 đồng (Bốn triệu hai trăm hai mươi một nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 14.240.000 đồng theo Biên lai số 0002052 ngày 06/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình. Ông Đỗ Văn T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 10.019.000 đồng (Mười triệu không trăm mười chín nghìn đồng).

Bà Trần Thị T1 phải nộp 26.183.000 đồng (Hai mươi sáu triệu một trăm tám mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Trần Thị T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả lại cho bà Trần Thị T1 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0002191 ngày 03/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 30/8/2024).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- TAND huyện Kim Sơn;
- Chi cục THADS huyện Kim Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án. VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Phượng**